

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19-8-2024.

“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Phú Hữu.
- Bà Bùi Thị Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Thanh Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Ngày 19/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2024/TLST-HNGĐ, ngày 14/6/2024 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 324/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 258/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03/8/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số A, đường Q, Tổ B, Ấp N, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Số điện thoại: 0368 263 673.

- **Bị đơn:** Trần Thanh T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số A, đường Q, Tổ B, Ấp N, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Số điện thoại: 0989 078 128.

(Chị C có mặt tại phiên tòa, anh T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim C và anh Trần Thanh T kết hôn năm 2008, hôn nhân có từ trước khoảng 01 năm, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 10/6/2008. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Đến năm 2024 thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị C có nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành; nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chị Nguyễn Thị Kim C yêu cầu ly hôn với anh Trần Thanh T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim C và anh Trần Thanh T có một con chung tên Trần Thanh B, sinh ngày 28/10/2009, khi chị C khởi kiện thì con chung đang sống chung với cha, mẹ nhưng hiện nay con chung đang sống với chị C. Khi ly hôn, chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 900.000 đồng/tháng; cấp dưỡng kể từ khi có bản án hoặc quyết định có hiệu lực của Tòa án cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa, chị C thay đổi yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, chị không tiếp tục yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, chị C và anh T tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Trần Thanh T, anh T không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án, vắng mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim C và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh Trần Thanh T có địa chỉ tại xã M, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trần Thanh T nhưng anh T không có mặt tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Thanh T theo quy

định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân của chị C và anh T được xác lập vào đầu năm 2008, do hai anh chị tự nguyện và thừa nhận, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 10/6/2008 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Tại phiên tòa, chị C yêu cầu được ly hôn với anh T; anh T không có ý kiến về quan hệ hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy chị C và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng có hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C là phù hợp với Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chị C được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Trần Thanh B, sinh ngày 28/10/2009. Tại phiên tòa, chị C yêu cầu được nuôi con chung tên Trần Thanh B, anh T không có ý kiến về con chung. Hội đồng xét xử xét thấy con chung tên Thanh B đang sống với chị C; đã được chị C chăm sóc ổn định và phát triển tốt; điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của Thanh B nên tiếp tục giao con chung cho chị C nuôi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C, giao con chung tên Trần Thanh B, sinh ngày 28/10/2009 cho chị C tiếp tục nuôi là có cơ sở.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim C trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh T vắng mặt nên không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim C, chị Nguyễn Thị Kim C được ly hôn với anh Trần Thanh T.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim C, chị Nguyễn Thị Kim C được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Thanh B, sinh ngày 28/10/2009, hiện Thanh B đang sống với chị C.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Chị Nguyễn Thị Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009887 ngày 14/6/2024 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, như vậy chị C đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND TPCL;
- Chi cục THADS TPCL;
- UBND xã T, thành phố S (số 94, ngày 10/6/2008);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Trinh

